

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG**

Số: **1637**/UBND-LĐTBXH

V/v triển khai thực hiện Phụ lục 09
Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND
ngày 04/7/2023 của Hội đồng
nhân dân thành phố Hà Nội

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đan Phượng, ngày **07** tháng 9 năm 2023*

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện: Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính - Kế hoạch, Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao huyện.
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội Quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Công văn số 3579/SLĐTBXH-KHTC ngày 25/8/2023 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội về việc hướng dẫn thực hiện Phụ lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện như sau:

1. Phòng Văn hóa Thông tin, Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh huyện, Cổng thông tin điện tử của huyện và chỉ đạo Đài truyền thanh các xã, thị trấn tăng thời lượng tuyên truyền, phổ biến nội dung Phụ lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú trên địa bàn thành phố Hà Nội đến các tầng lớp nhân dân, người nghiện ma túy và gia đình người nghiện biết, nắm rõ các chính sách hỗ trợ của Thành phố đối với công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy để thực hiện.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Căn cứ mục 4, phần III Phụ lục số 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú và dự toán kinh phí tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú của các xã, thị trấn để tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí cấp cho các xã, thị trấn thực hiện hàng năm. Hướng dẫn các xã, thị trấn thanh quyết toán kinh phí chi hỗ trợ theo quy định.

3. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội

Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn huyện. Hướng dẫn, đôn đốc các xã, thị trấn thực hiện nội dung Phục lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú. Tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND huyện và Sở Lao động Thương binh và Xã hội theo quy định.

4. UBND các xã, thị trấn

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh xã, thị trấn nội dung Phục lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú để các tầng lớp nhân dân, cán bộ làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, người nghiện ma túy và gia đình người nghiện biết, nắm rõ các chính sách hỗ trợ của Thành phố đối với công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy. Niêm yết công khai chính sách hỗ trợ của thành phố tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký cai nghiện của người nghiện ma túy để mọi người biết thực hiện.

- Lập dự toán và bố trí kinh phí để chi hỗ trợ cho người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người được giao nhiệm vụ tư vấn, tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn, tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định tại mục 4, phần III Phục lục số 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

- Tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND huyện (gửi qua phòng Lao động Thương binh và Xã hội) theo quy định

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện.

(Gửi kèm Phục lục số 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội và Phục lục nội dung, mức chi, mức đóng góp cho công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy kèm theo Công văn số 3579/SLĐTBXH-KHTC ngày 25/8/2023 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội)./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Công an huyện; (để p/h)
- Lưu: VT, LĐTĐBXH. 



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Thị Hồng

Phụ lục 09

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG CHI, MỨC CHI THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI CAI NGHIỆN BỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY BẮT BUỘC; CÔNG TÁC CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG, CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY VÀ QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI NƠI CƯ TRÚ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.

3. Người bị quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

III. NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI

1. Nội dung, mức chi đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc trong thời gian cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.

a. Chi tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác: Mức chi: 120.000 đồng/người/năm.

b. Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,8 lần mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

c. Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với người cai nghiện nữ bằng 0,9 lần mức lương cơ sở/người/năm.

2. Nội dung, mức chi hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú

a. Tiền ăn: 70.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày.

b. Tiền tàu xe: theo giá phương tiện công cộng phổ thông

c. Hỗ trợ 01 bộ quần áo mùa hè: Mức hỗ trợ bằng 0.15 lần mức lương cơ sở/người/bộ hoặc 01 bộ quần áo mùa đông: Mức hỗ trợ bằng 0.25 lần mức lương cơ sở/người/bộ (tùy theo thời điểm người cai nghiện chấp hành xong quyết định).

3. Nội dung, mức chi hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

a. Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,8 lần mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

b. Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với người cai nghiện nữ: Mức hỗ trợ bằng 0,9 lần mức lương cơ sở/người/năm.

4. Nội dung, mức chi hỗ trợ công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú

a. Hỗ trợ 01 lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: mức hỗ trợ bằng 02 (hai) lần mức lương cơ sở.

b. Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình cộng đồng và hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: mức hỗ trợ bằng 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã đảm bảo theo phân cấp.

Ngân sách Thành phố bổ sung phần kinh phí tăng thêm cho ngân sách cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2023-2025 để thực hiện chính sách theo quy định.

NỘI DUNG MỨC CHI, MỨC ĐÓNG GÓP CHO CÔNG TÁC CẢI NGHIỆN MA TÚY VÀ QUẢN LÝ SAU CẢI NGHIỆN MA TÚY
(Kèm theo Công văn số 3579 /SLĐTBXH-KHTC ngày 25 tháng 08 năm 2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Văn bản áp dụng
A	CAI NGHIỆN MA TÚY BẮT BUỘC			
I	Nội dung mức chi đối với người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc trong thời gian cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc			
1	Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội; thuốc chữa bệnh thông thường	người/lần chấp hành quyết định	650.000 đồng	Tiết a tiểu mục 3.1 mục 3 Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND
2	Tiền khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần	người/lần	210.000 đồng	Tiết b tiểu mục 3.1 mục 3 Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND
3	Tiền học nghề (không hỗ trợ học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ 2 trở đi đã được học nghề)	người/lần	2.000.000 đồng	Tiết c tiểu mục 3.1 mục 3 Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND
4	Tiền hoạt động văn hóa, thể thao, đọc sách báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác	người/năm	120.000 đồng	Tiết a tiểu mục 1 mục III Phụ lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND
5	Tiền ăn			
-	Tiền ăn hàng tháng	người/tháng	0,8 mức lương cơ sở	Tiết b tiểu mục 1 mục III Phụ lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND
-	Tiền ăn thêm Ngày lễ, Tết dương lịch	người/ngày	03 lần tiêu chuẩn ngày thường	
-	Tiền ăn thêm ngày Tết nguyên đán	người/ngày	05 lần tiêu chuẩn ngày thường	
-	Tiền ăn đối người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị	người/ngày	03 lần tiêu chuẩn ngày thường	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Văn bản áp dụng
6	Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với nữ	người/năm	0,9 mức lương cơ sở	Tiết c tiểu mục 1 mục III Phụ lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND
7	Tiền điện, nước sinh hoạt	người/tháng	100.000 đồng	Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC
II	Nội dung mức chi hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú.			
1	Tiền ăn (tối đa không quá 03 ngày)	người/ngày	70.000 đồng	Tiết a tiểu mục 2 mục III Phụ lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND
2	Tiền tàu xe		Theo giá phương tiện công cộng phổ thông	Tiết b tiểu mục 2 mục III Phụ lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND
3	Hỗ trợ 01 bộ quần áo	người/bộ	Mùa hè: 0.15 mức lương cơ sở Mùa đông: 0.25 mức lương cơ sở	Tiết c tiểu mục 2 mục III Phụ lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND
B	CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP			
I	Mức ngân sách Thành phố hỗ trợ (thực hiện 6 tháng)			
1	Tiền điện, nước sinh hoạt	người/tháng	70.000 đồng	Tiết a mục 3 Phụ lục 05 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND
2	Tiền hoạt động văn hóa, thể thao	người/tháng	10.000 đồng	
3	Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần	người/6 tháng	450.000 đồng	Điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND
4	Tiền ăn			
-	Tiền ăn hàng tháng	người/tháng	0,8 mức lương cơ sở	Tiết a tiểu mục 3 mục III Phụ
-	Tiền ăn thêm Ngày lễ, Tết dương lịch	người/ngày	03 lần tiêu chuẩn ngày thường	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Văn bản áp dụng
-	Tiền ăn thêm ngày Tết nguyên đán	người/ngày	05 lần tiêu chuẩn ngày thường	lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND
-	Tiền ăn đối người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị	người/ngày	03 lần tiêu chuẩn ngày thường	
5	Tiền chần, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với nữ (hỗ trợ 6 tháng, mức hỗ trợ bằng 0,9 lần mức lương cơ sở/người/năm)	người/6 tháng	0,45 mức lương cơ sở	Tiết b tiểu mục 3 mục III Phụ lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND
6	Hỗ trợ 100% kinh phí đóng góp đối với đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người khuyết tật; người chưa thành niên; người nhiễm HIV/AIDS, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa			Điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND
II	Mức đóng góp			
1	Tiền điện, nước sinh hoạt	người/tháng	10.000 đồng	Tiết b mục 3 Phụ lục 05 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND
2	Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm ý tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS), chi điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường	người/6 tháng	200.000 đồng	Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND
C	Mức đóng góp tự nguyện chữa trị, cai nghiện ma túy (không thuộc đối tượng được Thành phố hỗ trợ kinh phí)			
1	Tiền ăn	người/tháng	0,8 mức lương cơ sở	Tiết a tiểu mục 3.2 mục 3 Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND
2	Vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết và băng vệ sinh (đối với nữ)	người/6 tháng	0,45 mức lương cơ sở	Tiết b tiểu mục 3.2 mục 3 Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Văn bản áp dụng
3	Tiền thuốc cắt cơn, thuốc thông thường; xét nghiệm phát hiện chất ma túy	người/6 tháng	650.000 đồng	Tiết c tiêu mục 3.2 mục 3 Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND
4	Tiền hoạt động, văn nghệ, thể thao	người/tháng	10.000 đồng	Tiết d tiêu mục 3.2 mục 3 Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND
5	Tiền điện, nước sinh hoạt	người/tháng	80.000 đồng	Tiết đ tiêu mục 3.2 mục 3 Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND
D	CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI NƠI CƯ TRÚ			
I	Nội dung, mức chi hỗ trợ công tác cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng			
1	Hỗ trợ 01 lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP	người/lần	02 mức lương cơ sở	Tiết a tiêu mục 4 mục III Phụ lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND
2	Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	người/tháng	0,6 mức lương cơ sở	Tiết b tiêu mục 4 mục III Phụ lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND
II	Nội dung, mức chi hỗ trợ công tác quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú			
1	Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	người/tháng	0,6 mức lương cơ sở	Tiết b tiêu mục 4 mục III Phụ lục 09 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND